

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành học: **Ngôn ngữ Anh** (English Studies)

Trình độ: Đại học chất lượng cao

Mã ngành: 7220201

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm

Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Bộ môn Ngôn ngữ và văn hóa Anh, Khoa Ngoại ngữ

1. Mục tiêu đào tạo

- a. Có kiến thức thực tế vững chắc và kiến thức lý thuyết sâu rộng về ngôn ngữ tiếng Anh và về các lĩnh vực đang có nhu cầu nhân lực cao hiện nay như kinh tế và quản trị; khởi nghiệp và hội nhập; dịch vụ và du lịch.
- b. Rèn luyện cho người học tác phong chuyên nghiệp, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng học tập suốt đời, khả năng thích ứng và làm việc trong môi trường đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa, có đạo đức và trách nhiệm xã hội.
- c. Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, có thái độ học tập và làm việc nghiêm túc và chuyên nghiệp, có thái độ ứng xử và kế hoạch phát triển bản thân phù hợp với bối cảnh xã hội.
- d. Có lợi thế cạnh tranh về việc làm trong các lĩnh vực kinh tế và quản trị, khởi nghiệp và hội nhập, dịch vụ và du lịch.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

- a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật; người học hiểu rõ chủ trương, đường lối phát triển kinh tế-xã hội của Đảng và Nhà nước; hình thành đạo đức nghề nghiệp, rèn luyện tính trung thực trong công việc và nhận thức được trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.
- b. Có kiến thức cơ bản về giáo dục quốc phòng, sức khỏe, tinh thần yêu nước, ý chí xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- c. Có kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu công việc liên quan đến các lĩnh vực kinh tế và quản trị; khởi nghiệp và hội nhập; dịch vụ và du lịch.
- d. Có năng lực tiếng Pháp tương đương bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, có thể giao tiếp và làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa.

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

- a. Kiến thức lý thuyết sâu rộng về ngữ pháp và ngữ âm tiếng Anh và tích lũy lượng từ vựng tiếng Anh đủ để thực hiện chức năng ngôn ngữ tương đương bậc 5 trong Khung năng lực ngoại ngữ (KNLNN) Việt Nam.
- b. Kiến thức thực tế về việc vận dụng các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết tiếng Anh tương đương bậc 5 trong KNLNN vào việc học tập và nghiên cứu; kiến thức về kỹ năng đọc hiểu mở rộng và kỹ năng viết báo cáo khoa học và các văn bản mang tính học thuật khác bằng tiếng Anh nhằm giúp người học có thể tiếp tục theo học sau đại học ở trong và ngoài nước.

2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

- a. Kiến thức lý thuyết vững chắc về các học phần thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ học tiếng Anh nhằm giúp người học có thể nghiên cứu sâu về lĩnh vực Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh để có thể theo học sau đại học và học tập suốt đời.

- b. Kiến thức lý thuyết về văn hóa các nước trong khu vực và các nước nói tiếng Anh, giao tiếp đa văn hóa, văn chương Anh Mỹ giúp người học làm việc hiệu quả ở các công ty nước ngoài và công ty đa quốc gia trong môi trường đa văn hóa và trong bối cảnh toàn cầu hóa.
- c. Kiến thức lý thuyết và kiến thức thực tế về lĩnh vực dịch thuật tiếng Anh giúp người học có thể theo đuổi lĩnh vực nghề nghiệp liên quan đến dịch thuật.
- d. Kiến thức về các phương pháp nghiên cứu khoa học, cách viết đề cương nghiên cứu khoa học, cách diễn giải và xử lý số liệu thống kê giúp người học có thể theo học sau đại học hoặc làm công tác nghiên cứu khoa học sau khi tốt nghiệp.
- e. Kiến thức thực tế về vận dụng ngôn ngữ học tiếng Anh, văn hóa, văn chương và dịch thuật tích lũy được từ các học phần Seminar chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, kiến tập nghiệp vụ và thực tập ngoài trường giúp tăng lợi thế cạnh tranh của người học sau khi tốt nghiệp.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

- a. Có năng lực ngôn ngữ tiếng Anh tương đương bậc 5 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
- b. Có năng lực ngôn ngữ tiếng Pháp tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
- c. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
- d. Có kỹ năng giải quyết các vấn đề phức tạp, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
- e. Phát triển kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và đánh giá kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.2.2 Kỹ năng mềm

- a. Có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.
- b. Phát triển kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc và học tập đa văn hóa.
- c. Hình thành và phát triển kỹ năng quản lý công việc, hợp tác, giải quyết vấn đề, đàm phán, và dẫn dắt và ứng dụng thành thạo các kỹ năng này vào quá trình học tập và làm việc.

2.3 Thái độ

- a. Có ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân, có phẩm chất chính trị đạo đức, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, biết xem xét, tôn trọng và chấp nhận các quan điểm khác biệt.
- b. Thể hiện đúng đạo đức nghề nghiệp của ngành nghề mình theo đuổi, nhận thức được vị trí, vai trò tầm quan trọng của các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của bản thân, có thái độ đúng mực với những sai sót của bản thân.
- c. Luôn xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong công việc và ứng xử hàng ngày tạo một phong cách làm việc chuyên nghiệp; có phương pháp và phong cách làm việc khoa học; có thái độ cầu tiến và vượt khó; biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn; có khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn làm việc.
- d. Chủ động lên kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho bản thân; luôn cập nhật thông tin và kiến thức trong lĩnh vực chuyên ngành của mình để có thái độ ứng xử cũng như xử lý những thay đổi, cập nhật mới một cách phù hợp và hiệu quả.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Điều phối viên dự án trong các tập đoàn đa quốc gia, công ty trong nước và quốc tế, dự án chính phủ và phi chính phủ.

- Trợ lý giám đốc, thư ký hành chánh, người quản lý bộ phận tiếp thị, bộ phận kinh doanh, bộ phận nhân sự tại công ty tư nhân và nhà nước.
- Lễ tân tại các khách sạn, hướng dẫn viên tại các công ty du lịch.
- Thư ký hành chánh trong các cơ quan đối ngoại.
- Phóng viên cho các cơ quan thông tấn báo chí ở trung ương, khu vực và địa phương.
- Biên tập viên/trợ lý biên tập cho các nhà xuất bản.
- Người thuyết minh, hướng dẫn tại các viện bảo tàng.
- Phiên dịch viên, biên dịch viên tại các công ty dịch thuật.
- Nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu về ngôn ngữ học, văn hóa và văn chương hoặc tại các trường đại học.
- Người viết lời quảng cáo cho các sản phẩm, dịch vụ; viết thư ngỏ gây quỹ hoặc giới thiệu sản phẩm/dịch vụ cho khu vực công và tư nhân.
- Tư vấn viên về nghề nghiệp, du học tại các trường đại học; tư vấn về xuất nhập cảnh tại các văn phòng luật sư.
- Giáo viên giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục và trung tâm ngoại ngữ (nếu có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm).

4. Cơ hội học tập nâng cao trình độ:

- Có khả năng học tập suốt đời.
- Có kiến thức và kỹ năng học tập và nghiên cứu nâng cao trình độ ở các bậc cao học các chuyên ngành: Ngôn ngữ học tiếng Anh, Ngôn ngữ học ứng dụng, Lý luận và Phương pháp dạy học tiếng Anh, Giao tiếp đa văn hóa, Hoa kỳ học, Văn chương Anh-Mỹ, Giao tiếp đa văn hóa, Quan hệ quốc tế tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo

- Chương trình đào tạo ngành Cử nhân Ngôn ngữ và Ngôn ngữ học tiếng Anh (Bachelor of English Language and Linguistics) của Trường ĐH Malaya, Malaysia.
- Chương trình đào tạo ngành Cử nhân Ngôn ngữ và Văn chương tiếng Anh (Bachelor of English Language and Linguistics) của Trường ĐH Quốc gia Incheon, Hàn Quốc

6. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương									
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30			III
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30			III
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65		III
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10		III
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		I, II, III
6	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3		10	45			I, II, III
7	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004	I, II, III
8	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005	I, II, III
9	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006	I, II, III
10	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL004	I, II, III
11	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4			60		FL005	I, II, III
12	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			I, II, III
13	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		I, II, III
14	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30			I, II, III
15	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009	I, II, III
16	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010	I, II, III

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
17	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006	I, II, III
18	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			I, II, III
19	ML007	Logic học đại cương	2			30			I, II, III
20	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			I, II, III
21	XH012	Tiếng Việt thực hành	2		2	30			I, II, III
22	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			I, II, III
23	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			I, II, III
24	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		I, II, III
Cộng: 38 TC (Bắt buộc 23 TC; Tự chọn 15 TC)									
Khối kiến thức Cơ sở ngành									
25	FL101H	Ngữ pháp trung cấp	2	2			60		I, II
26	FL102H	Ngữ pháp nâng cao	2	2			60	FL101H	I, II
27	FL103H	Ngữ âm thực hành 1	2	2			60		I, II
28	FL104H	Ngữ âm thực hành 2	2	2			60	FL104H	I, II
29	FL105H	Nghe Nói 1 - Kỹ năng giao tiếp căn bản	3	3			90		I, II
30	FL106H	Nghe Nói 2 - Kỹ năng giao tiếp trung cấp 1	3	3			90	FL105H	I, II
31	FL107H	Nghe Nói 3 - Kỹ năng giao tiếp trung cấp 2	2	2			60	FL106H	I, II
32	FL108H	Nghe Nói 4 - Kỹ năng giao tiếp nâng cao	2	2			60	FL107H	I, II
33	FL109H	Nghe Nói 5 - Kỹ năng nói trước công chúng	2	2			60	FL108H	I, II
34	FL110H	Đọc 1 - Kỹ năng đọc hiểu căn bản	2	2			60		I, II
35	FL111H	Đọc 2 - Kỹ năng đọc hiểu trung cấp 1	2	2			60	FL110H	I, II
36	FL112H	Đọc 3 - Kỹ năng đọc hiểu trung cấp 2	2	2			60	FL111H	I, II
37	FL113H	Đọc 4 - Kỹ năng đọc hiểu nâng cao	2	2			60	FL112H	I, II
38	FL114H	Đọc 5 - Đọc mở rộng	2	2			60	FL113H	I, II
39	FL115H	Viết 1 - Viết đoạn	2	2			60		I, II
40	FL116H	Viết 2 - Các thể loại luận 1	2	2			60	FL115H	I, II
41	FL117H	Viết 3- Các thể loại luận 2	2	2			60	FL116H	I, II
42	FL118H	Viết 4 - Văn bản xã hội	2	2			60	FL117H	I, II
43	FL119H	Viết 5- Văn bản khoa học	2	2			60	FL118H	I, II
Cộng: 40 TC (Bắt buộc 40 TC; Tự chọn: 0 TC)									
Khối kiến thức Chuyên ngành									
44	FL201H	Dẫn luận ngôn ngữ	2	2		30		FL112H	I, II
45	FL202H	Ngữ âm và âm vị học tiếng Anh	2	2		30		FL201H	I, II
46	FL203H	Từ pháp học và cú pháp học tiếng Anh	3	3		45		FL201H	I, II
47	FL204H	Ngữ nghĩa học và ngữ dụng học tiếng Anh	3	3		45		FL201H	I, II
48	FL205H	Dẫn luận văn chương	3	3		45		FL116H	I, II
49	FL206H	Phê bình văn học	3	3		45		FL205H	I, II
50	FL207H	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	3	3		45		FL107H	I, II
51	FL208H	Dịch thuật đại cương	2	2		30		FL108H; FL113H	I, II
52	FL209H	Biên dịch căn bản	2	2			60	FL208H	I, II
53	FL210H	Phiên dịch đũa căn bản	2	2			60	FL210H	I, II
54	FL211H	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Ngôn ngữ và Văn hóa	2	2		30		FL119H	I, II
55	FL212H	Thực tế ngoài trường	2	2			60	≥100TC	I, II
56	FL213H	Thực tập ngoài trường	2	2			60	FL212H	I, II
57	FL214H	Seminar chuyên ngành – Ngôn ngữ Anh	1	1			30	FL211H	I, II
Cộng: 32 TC (Bắt buộc: 32 TC; Tự chọn: 0 TC)									
Khối kiến thức định hướng nghề nghiệp									
58	FL301H	Tiếng Anh văn phòng	2		14	30		FL118H	I, II
59	FL302H	Tiếng Anh kinh doanh	2			30		FL118H	I, II
60	FL303H	Tiếng Anh du lịch	2			30		FL118H	I, II
61	FL304H	Tiếng Anh nhà hàng-khách sạn	2			30		FL118H	I, II
62	FL305H	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2			30		FL118H	I, II
63	FL306H	Quản trị du lịch và dịch vụ	2			30		FL118H	I, II
64	FL307H	Marketing căn bản	2			30		FL118H	I, II
65	FL308H	Khởi nghiệp	2			30		FL118H	I, II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
66	FL309H	Nghi thức ngoại giao	2			30		FL118H	I, II
Cộng: 14 TC (Bắt buộc: 0 TC; Tự chọn: 14 TC)									
Khối kiến thức Luận văn tốt nghiệp									
67	FL501H	Luận văn tốt nghiệp Ngôn ngữ Anh	10		10		300	FL214H	I, II
68	FL402H	Tiểu luận tốt nghiệp	4				120	FL214H	I, II
69	FL403H	Văn học Anh - Mỹ	2				30	FL205H	I, II
70	FL404H	Phân tích diễn ngôn tiếng Anh	2				30	FL204H	I, II
71	FL405H	Giao tiếp liên văn hóa	2				30	FL109H	I, II
72	FL406H	Biên dịch nâng cao	2				30	FL209H	I, II
73	FL407H	Phiên dịch đuôi nâng cao	2				30	FL210H	I, II
74	FL408H	Ngôn ngữ học đối chiếu	2				30	FL204H	I, II
Cộng: 10 TC (Bắt buộc: 0 TC; Tự chọn: 10 TC)									
Khối kiến thức bổ trợ									
75	FL091H	Kỹ năng hợp tác	1	1			30	FL108H	I, II
76	FL092H	Kỹ năng giải quyết vấn đề	1	1			30	FL108H	I, II
77	FL093H	Kỹ năng dẫn dắt	1	1			30	FL108H	I, II
78	FL094H	Kỹ năng đàm phán	1	1			30	FL108H	I, II
79	FL095H	Kỹ năng quản lý công việc	1	1			30	FL108H	I, II
80	FL096H	Kỹ năng xin việc	1	1			30	FL108H	I, II
Cộng: 6 TC (Bắt buộc: 6 TC; Tự chọn: 0 TC)									
Tổng cộng: 140 TC (Bắt buộc: 101 TC; Tự chọn: 39 TC)									

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

KHOA NGOẠI NGỮ
TRƯỞNG KHOA

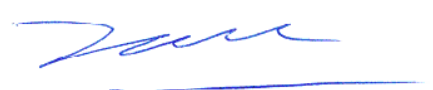
BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG



Hà Thanh Toàn

HỘI ĐỒNG KH và ĐT
CHỦ TỊCH

Lê Việt Dũng



Trịnh Quốc Lập